

Bản án số: 248/2025/HS-PT

Ngày: 25 – 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 187/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Hoàng T, Cổ Thanh N, Trương Hoàng Quốc B, Trần Thế V, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Lê Duy K1, Cổ Minh T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Hoàng T (tên gọi khác: T3), sinh ngày 09 tháng 10 năm 2004, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082204001XXX; nơi cư trú: ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp (ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng C và bà Võ Thị G; vợ: Nguyễn Thị Huyền T4; con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Cổ Thanh N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082206005XXX; nơi cư trú: ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp (ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: lớp 06/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Cổ Thanh S và bà Đỗ Thị Thùy T5; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Hoàng Quốc B, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2006, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082206005XXX; nơi cư trú: khu phố L, xã T, tỉnh Đồng Tháp (khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 08/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh T6 (chết) và bà Nguyễn Thị Thùy T7; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Thế V (tên gọi khác: C1), sinh ngày 19 tháng 4 năm 2006, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082206012XXX; nơi cư trú: ấp T, xã G, tỉnh Đồng Tháp (ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đỗ Hoàng D và bà Hồ Thị Kim V1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082097011XXX; nơi cư trú: ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp (ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 và bà Phan Thị Đ; vợ: Nguyễn Thị B1; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Hoàng K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082206000XXX; nơi cư trú: khu phố L, xã T, tỉnh Đồng Tháp (khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh A và bà Bùi Thanh T9; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Duy K1, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2006, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082206000883; nơi cư trú: ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp (ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T10 và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Cổ Minh T2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2005, tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ); giới tính: nam; số CCCD: 082205006101; nơi cư trú: ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp (ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ); nghề nghiệp: làm thuê;

trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cổ Văn S1 và bà Ông Thị D1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng T:* Luật sư Lê Trung T11, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Cổ Thanh N:* Luật sư Phạm Thị Kim T12, Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim T12 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, bản án còn có 03 bị cáo khác, 01 người bị hại, 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 22/6/2024, Đỗ Duy K2 cùng bị cáo Nguyễn Quốc T13, bị cáo Trần Thế V và Trương An N1 đang đánh bida tại quán B2 thuộc khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) thì thấy bị hại Lê Thành N2, anh Nguyễn Minh T14, anh Nguyễn Minh C2, anh Nguyễn Võ Tuấn K3 đánh bida bàn bên cạnh. Do mâu thuẫn từ trước giữa anh Lê Thành N2 và Đỗ Duy K2 nên hai bên nhóm có nói chuyện cự cãi qua lại với nhau. Sau đó, anh Nguyễn Võ Tuấn K3 điều khiển xe mô tô hai bánh (không rõ biển số, nhãn hiệu) chở anh Nguyễn Minh T14 đi lấy hung khí là một dao tự chế. Đồng thời, lúc này nhóm của bị cáo Nguyễn Quốc T13 tại quán bida gồm: Bị cáo Đ1 điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu exciter màu xanh biển số 63AH- 03659 (do cha của bị cáo Đ1 là ông Nguyễn Văn L, đứng tên sở hữu) đến quán bida và nghe sự việc. Bị cáo T1 do K2 gọi đến nên điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu vario màu xanh biển số 63C1-297.88 (Bị cáo T1 mượn của anh Nguyễn Hữu N3 đến rước bị cáo B đến quán bida. Bị cáo Phạm Hoàng K điều khiển xe sirius màu trắng đen biển số 63B7-675.39 (xe của mẹ bị cáo K là bà Bùi Thanh T9 đứng tên đăng ký sở hữu) chở bị cáo Lê Duy K1 đi làm về và ghé quán bida Tuấn M. Bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu exciter màu đen biển số 63B5-673.94 (xe của bị cáo T) chở bị cáo T15. Bị cáo N điều khiển xe wave biển số 63B5- 632.54 (xe của ông Cao Văn C3) chở bị cáo Cổ Minh T2 đến. Khi nhìn thấy anh T14 và anh K3 đi khỏi quán thì nhóm của bị cáo T2 có chạy xuống khu vực ngã ba “Mũi Tàu” thuộc khu phố L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đón và chặn đường anh T14 và anh K3. Sau đó anh T14 và anh K3 quay lại quán bida Tuấn M có đem theo một con dao tự chế và vút con dao tự chế này vào một bụi cây ven

đường và đi đến quán B2 để rước anh N2 và anh C2 về. Khi thấy con dao tự chế bị vút trong bụi cây ven đường thì bị cáo Nguyễn Quốc T13 đến nhặt con dao tự chế này lên, khi thấy anh N2, anh T14, anh C2 và anh K3 ra khỏi quán bida Tuần M thì nhóm của bị cáo T13 cùng nhau rượt đuổi theo. Bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu exciter màu đen biển số 63B5-673.94 chở bị cáo Nguyễn Quốc T13 ngồi phía sau có cầm theo dao tự chế. Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu vario màu xanh (không rõ biển số) chở bị cáo B. Bị cáo Cổ Minh T2 điều khiển xe wave biển số 63B5- 632.54 chở bị cáo T15. Bị cáo V điều khiển xe wave màu đen 63AS-07961 (xe của bị cáo V) chạy một mình. Bị cáo Phạm Hoàng K điều khiển xe sirius màu trắng đen biển số 63B7-675.39 chở bị cáo Lê Duy K1. Bị cáo Đ1 điều khiển xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu exciter màu xanh biển số 63AH- 03659 chở bị cáo N. Trương An N1 điều khiển xe Futute màu đỏ biển số 64K4-1088 (xe của bà Huỳnh Thị Mỹ A1) chở Đỗ Duy K2 rượt đuổi theo anh N2, anh T14, anh C2 và anh K3, đến đoạn đường C thuộc khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) thì bắt kịp. Lúc này bị cáo Nguyễn Quốc T13 dùng dao tự chế chém về phía anh N2, anh N2 dùng tay trái đỡ thì bị dao chém trúng vào tay trái (đứt gân ngón trỏ bàn tay trái) gây thương tích. Ngoài ra, nhóm của bị cáo T13 còn đánh bằng tay và chân vào người của anh N2 rồi bỏ ra về. Trên đường về bị cáo Nguyễn Quốc T13 vút con dao xuống sông thuộc khu vực cầu N thuộc khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) không tìm lại được.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 263-2024/KLTTCT-TTPY ngày 23/7/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận thương tích của Lê Thành N2 như sau: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Thành N2 là 14% (mười bốn phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

* Kết luận khác: Xác định vật gây thương tích: Thương tích Lê Thành N2 do vật sắc gây nên: Sẹo mổ trùng sẹo vết thương từ mặt lòng liên đốt 2,3 ngón II đến mặt lòng bàn tay trái. Tỷ lệ: 03% (ba phần trăm); Đứt gân gấp nông, sâu ngón II tay trái gây cứng các khớp liên đốt 1, 2 và 2,3 ngón II tay trái. Tỷ lệ: 11% (mười một phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ) đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng T, Lê Duy K1, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Trần Thế V, Trương Hoàng Quốc B, Cổ Minh T2, Cổ Thanh N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Hoàng T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Cổ Thanh N 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Thế V 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trương Hoàng Quốc B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Phạm Hoàng K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Lê Duy K1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

8. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Cổ Minh T2 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Exciter màu đen, biển số 63B5-673.94.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, phân trách nhiệm dân sự, xử lý các vật chứng khác trong vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 15, 18, 19 và 23 tháng 6 năm 2025, các bị cáo Cổ Thanh N, Trương Hoàng Quốc B, Trần Thế V, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Lê Duy K1, Cổ

Minh T2 có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* Ngày 17 tháng 6 năm 2025 bị cáo Trần Hoàng T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; xin nhận lại vật chứng là xe máy Exciter 150.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Bị cáo Trần Hoàng T rút kháng cáo đối với yêu cầu được trả lại xe mô tô Exciter 150.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Về tố tụng, các bị cáo có đơn kháng cáo hợp lệ và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ pháp luật. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Ý kiến bào chữa của Luật sư Lê Trung T11: Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 20 tuổi nên nhận thức còn hạn chế; Hoàn cảnh gia đình có cha và mẹ ly hôn nên bị cáo phải chịu nhiều thiệt thòi; bị cáo phạm tội lần đầu theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; phạm tội với vai trò không đáng kể theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ý kiến bào chữa của Luật sư Phạm Thị Kim T12: Thống nhất tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo phạm tội vào thời điểm mới vừa đủ 18 tuổi nên nhận thức hạn chế, không nhận thức được hành vi của mình là phạm tội; bị cáo không tham gia đánh bị hại nên vai trò không đáng kể; bị cáo có người thân là người có công cách mạng; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định nên đủ điều kiện hưởng án treo. Trường hợp Hội đồng xét xử không cho hưởng án treo thì xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Các bị cáo Trần Hoàng T, Lê Duy K1, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Trần Thế V, Cổ Minh T2, Cổ Thanh N và Trương Hoàng Quốc B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về rút kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hoàng T rút một phần kháng cáo đối với việc xử lý vật chứng. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo này không liên quan đến kháng cáo về hình phạt của các bị cáo, do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3]. Về nội dung xét kháng cáo:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/6/2024, tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), bị cáo Nguyễn Quốc T13 dùng dao tự chế cùng với Lê Duy K1, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Trần Thế V, Nguyễn Thành Đ1, Trần Hoàng T, Cao Nhựt T15, Cổ Minh T2, Cổ Thanh N và Trương Hoàng Quốc B gây thương tích cho bị hại Lê Thành N2 với tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Quốc T13 phạm tội với vai trò là chủ mưu và thực hiện tội phạm, các bị cáo còn lại phạm tội với vai trò giúp sức về mặt tinh thần.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng T:

Tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng bị cáo là người giúp sức tích cực, bị cáo là người sử dụng xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Quốc T13 đuổi theo bị hại để bị cáo T13 dùng dao tự chế gây thương tích cho bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản tính hung hăng, xem thường sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thiện chí bồi thường thiệt hại, có thân nhân là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo kháng cáo có cung cấp tình tiết nuôi con nhỏ nhưng không phải là tình tiết giảm nhẹ mới

cần được xem xét. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và việc cho hưởng án treo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo

[3.2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Duy K1, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Trần Thế V, Cổ Minh T2, Cổ Thanh N và Trương Hoàng Quốc B:

Sau khi xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, có thân nhân là người có công cách mạng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Cổ Thanh N và Trần Thế V mỗi bị cáo 02 năm 03 tháng tù, phạt các bị cáo còn lại mỗi bị cáo 02 năm tù.

Các bị cáo biết rõ việc bị cáo T2 dùng hung khí nguy hiểm tấn công người bị hại gây thương tích là phạm tội, nhưng các bị cáo sử dụng xe mô tô và cùng nhóm đông đuổi theo bị hại, thậm chí dùng tay đánh bị hại nhằm tạo điều kiện về mặt tinh thần cho bị cáo Nguyễn Quốc T13 quyết tâm thực hiện hành vi cố ý gây thương tích đến cùng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo với mức án như nêu trên là tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt nào mới, mặt khác bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và việc cho hưởng án treo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4]. Các phần liên quan đến kháng cáo cần xem xét: không có.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận như nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Xét ý kiến bào chữa của các Luật sư là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8]. Các bị cáo kháng cáo về hình phạt không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng T về xử lý vật chứng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng T, Lê Duy K1, Nguyễn Văn T1, Phạm Hoàng K, Trần Thế V, Cồ Minh T2, Cồ Thanh N và Trương Hoàng Quốc B.

3. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ) về hình phạt.

3.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Hoàng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Cồ Thanh N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Thế V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trương Hoàng Quốc B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Phạm Hoàng K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.7. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Lê Duy K1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3.8. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Cổ Minh T2 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực X - Đồng Tháp;
- VKSND khu vực X - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy